



**Tổng Công ty Phát điện 3 –
Công ty Cổ phần**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019**

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012

Quyết định thành lập do Bộ Công Thương cấp.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 3502208399 ngày 26 tháng 11 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6, ngày 2 tháng 1 năm 2019.

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch
Ông Đinh Quốc Lâm	Thành viên
Ông Trương Quốc Phúc	Thành viên
Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

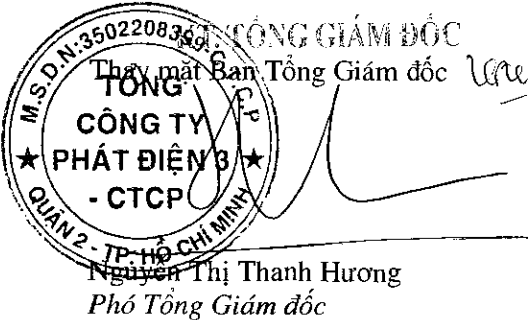
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *Ưu*
Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi Các cổ đông Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần (gọi tắt là “**Tổng Công ty**”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NQ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 (“Nghị quyết 150”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 5344/BTC-TCDN của Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”).

Theo hướng dẫn của Nghị quyết 150, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động. Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các vấn đề khác

- Chúng tôi tiến hành soát xét nhằm mục đích đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 48. Thông tin bổ sung tại trang 49 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và không nằm trong phạm vi của cuộc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét về thông tin này.
- Chúng tôi muốn lưu ý rằng chúng tôi không kiểm toán hay soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán hay kết luận soát xét về báo cáo tài chính riêng này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo soát xét số: 19-01-00317-19-1

CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH
KPMG

Advanth Phor

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2252-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2019

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		17.924.486.920.745	16.961.310.205.068
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.938.070.192.982	2.111.565.697.349
Tiền	111		1.438.070.192.982	1.381.565.697.349
Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000.000	730.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.060.000.000.000	3.350.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	3.060.000.000.000	3.350.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		9.926.991.498.606	8.743.041.814.282
Phải thu của khách hàng	131	6	9.118.256.685.445	8.191.597.526.315
Trả trước cho người bán	132		248.926.403.494	128.631.729.021
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	560.299.052.221	423.303.201.500
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(490.642.554)	(490.642.554)
Hàng tồn kho	140	8	1.972.030.616.128	2.717.698.105.369
Hàng tồn kho	141		1.972.191.501.520	2.717.858.990.761
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(160.885.392)	(160.885.392)
Tài sản ngắn hạn khác	150		27.394.613.029	39.004.588.068
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.550.329.120	31.236.508.531
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.239.725.117	7.758.440.020
Thuế phải thu Nhà nước	153	13(b)	1.604.558.792	9.639.517

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		57.143.372.804.636	58.195.709.347.653
Phải thu dài hạn	210		3.429.424.000	3.549.424.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.429.424.000	3.549.424.000
Tài sản cố định	220		51.990.019.964.987	53.539.528.259.999
Tài sản cố định hữu hình	221	9	51.897.925.373.703	53.451.661.723.969
Nguyên giá	222		107.575.458.401.599	106.827.249.464.862
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.677.533.027.896)	(53.375.587.740.893)
Tài sản cố định vô hình	227	10	92.094.591.284	87.866.536.030
Nguyên giá	228		112.384.072.452	105.702.784.452
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.289.481.168)	(17.836.248.422)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.560.171.285.059	2.536.799.320.476
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.560.171.285.059	2.536.799.320.476
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	1.520.334.574.438	1.520.334.574.438
Đầu tư vào công ty con	251		551.689.970.000	551.689.970.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		791.558.350.850	791.558.350.850
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		177.086.253.588	177.086.253.588
Tài sản dài hạn khác	260		1.069.417.556.152	595.497.768.740
Chi phí trả trước dài hạn	261		102.661.373.259	112.993.542.569
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		966.756.182.893	482.504.226.171
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		75.067.859.725.381	75.157.019.552.721

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		65.740.210.064.501	66.446.675.566.381
Nợ ngắn hạn	310		12.354.977.767.003	10.820.391.635.855
Phải trả người bán	311	12	4.391.091.779.142	3.672.154.235.402
Người mua trả tiền trước	312		103.636.000	103.636.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13(a)	151.422.474.643	289.855.824.555
Phải trả người lao động	314		52.042.599.803	63.267.522.912
Chi phí phải trả	315	14	1.971.614.960.711	50.369.355.568
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.973.740.611	15.944.744.132
Phải trả khác	319	15	357.681.996.913	1.059.304.797.154
Vay ngắn hạn	320	16(a)	5.208.692.129.637	5.420.431.251.663
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		206.354.449.543	248.960.268.469
Nợ dài hạn	330		53.385.232.297.498	55.626.283.930.526
Doanh thu chưa thực hiện	336		371.376.258.597	378.955.365.915
Vay dài hạn	338	16(b)	53.013.856.038.901	55.247.328.564.611
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		9.327.649.660.880	8.710.343.986.340
Vốn chủ sở hữu	410	17	9.327.649.660.880	8.710.343.986.340
Vốn cổ phần	411	18	10.699.695.770.000	10.699.695.770.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	19	(823.866.730.128)	(1.098.488.973.504)
Lỗi lũy kế	421		(548.179.378.992)	(890.862.810.156)
- Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(890.862.810.156)	-
- LNST chưa phân phối/(lỗ) kỳ này	421b		342.683.431.164	(890.862.810.156)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		75.067.859.725.381	75.157.019.552.721


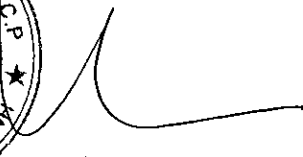

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Nguyễn Khánh Linh
 Người lập biểu

Người duyệt:

NGƯỜI DUYỆT
TỔNG
CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 3
- CTCP
 QUẬN 2 - TP. HỒ CHÍ MINH

Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính – Kế toán

Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

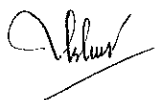
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	21.101.156.683.383	19.196.719.944.664
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	18.603.254.806.153	16.427.848.125.047
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		2.497.901.877.230	2.768.871.819.617
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	185.616.302.977	231.006.501.459
Chi phí tài chính	22	25	2.069.333.979.193	2.386.423.642.747
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.408.716.747.329</i>	<i>1.235.594.044.662</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	168.734.434.420	137.526.572.834
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		445.449.766.594	475.928.105.495
Thu nhập khác	31		9.366.071.958	35.114.988.647
Chi phí khác	32		20.033.696.441	49.801.872.593
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(10.667.624.483)	(14.686.883.946)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		434.782.142.111	461.241.221.549
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	92.098.710.947	80.865.821.377
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		342.683.431.164	380.375.400.172

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

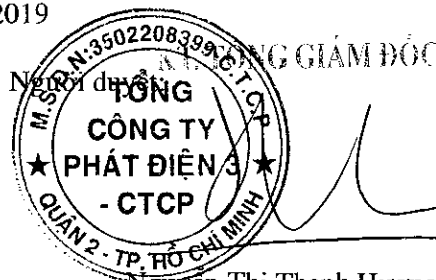
Người lập:



Trần Nguyễn Khánh Linh
 Người lập biểu



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính – Kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		434.782.142.111	461.241.221.549
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.304.398.519.749	2.304.871.994.656
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		649.976.634.342	1.136.284.131.334
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(178.245.542.052)	(217.402.776.047)
Chi phí lãi vay	06		1.408.716.747.329	1.235.594.044.662
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.619.628.501.479	4.920.588.616.154
Biến động các khoản phải thu	09		(4.651.967.844.951)	(5.836.748.933.520)
Biến động hàng tồn kho	10		232.323.044.200	(222.354.683.710)
Biến động các khoản phải trả	11		1.111.297.918.435	439.073.683.758
Biến động chi phí trả trước	12		28.018.348.721	(6.183.619.782)
			1.339.299.967.884	(705.624.937.100)
Tiền lãi vay đã trả	14		(202.624.895.442)	(84.575.786.595)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(134.892.862.733)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	709.510.955
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(42.605.818.926)	(133.996.876.288)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		959.176.390.783	(923.488.089.028)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(39.470.784.902)	(2.008.880.471.648)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	88.000.000
Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		(430.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn	24		720.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		181.239.679.495	217.408.127.437
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		431.768.894.593	(1.791.384.344.211)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		49.063.211.177	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(613.507.954.698)	(285.651.876.676)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(564.444.743.521)	(285.651.876.676)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		826.500.541.855	(3.000.524.309.915)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		2.111.565.697.349	4.449.120.834.886
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		3.953.778	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	2.938.070.192.982	1.448.596.524.971

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Người lập:

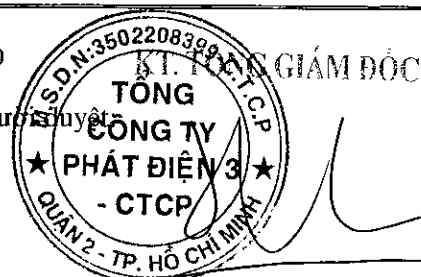


Trần Nguyễn Khánh Linh
 Người lập biểu

Người duyệt:



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính – Kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công Thương quyết định cổ phần hóa Công ty Mẹ-Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ -Tổng công ty Phát điện 3.

Tổng Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là PGV theo quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh nghiệp 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 2 tháng 1 năm 2019. Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần bắt đầu hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình;
- Công ty Dịch vụ Sửa chữa Các Nhà máy điện EVNGENCO 3;
- Văn phòng Tổng Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2019: 2 công ty con và 3 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh số 5(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có 2.027 nhân viên (1/1/2019: 2.710 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ kế toán được Tổng Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bằng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CKKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (“Công văn 1779”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NQ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 (“Nghị quyết 150”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động. Hướng dẫn của Nghị quyết 150 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các kỳ thì chi phí tài chính sẽ giảm và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 sẽ tăng cùng một khoản là 274.622.243.376 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: chi phí tài chính sẽ giảm và lợi nhuận trước thuế sẽ tăng cùng một khoản là 171.816.088.160 VND), chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu”, và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 823.866.730.128 VND (1/1/2019: lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 1.098.488.973.504 VND).

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Công văn số 5344/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Tập đoàn điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”). Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá nhất quán theo Thông tư 200 qua các kỳ thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 sẽ không thay đổi (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: chi phí tài chính sẽ giảm và lợi nhuận trước thuế sẽ tăng cùng một khoản là 254.014.513.871VND).

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận trực tiếp.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản do Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) *Cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính khi nhà nước không còn sở hữu 100% Tổng Công ty. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	4.723.668.084	1.860.287.285
Tiền gửi ngân hàng	1.433.346.524.898	1.379.705.410.064
Các khoản tương đương tiền	1.500.000.000.000	730.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.938.070.192.982	2.111.565.697.349
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc một đến ba tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng là 4,6% - 5,5% một năm (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 5% - 5,5% một năm).

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 9 tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng là 5,5% - 6,5% một năm (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 5,3% - 5,5% một năm).

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

		30/6/2019			1/1/2019			
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con								
▪ Công ty Cổ phần								
Nhiệt điện Bà Rịa	(i) 79,56%	481.235.570.000	611.169.173.900	-	79,56%	481.235.570.000	548.608.549.800	-
▪ Công ty Cổ phần								
Nhiệt điện Ninh Bình	(ii) 54,76%	70.454.400.000	83.136.192.000	-	54,76%	70.454.400.000	93.704.352.000	-
		<u>551.689.970.000</u>	<u>694.305.365.900</u>	<u>-</u>		<u>551.689.970.000</u>	<u>642.312.901.800</u>	<u>-</u>

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		30/6/2019			1/1/2019			
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	(iii) 30,00%	190.500.000.000	489.585.000.000	-	30,00%	190.500.000.000	476.250.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	(iv) 30,55%	517.058.350.850	1.128.003.369.200	-	30,55%	517.058.350.850	1.055.533.879.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	(v) 30,00%	84.000.000.000	(*)	-	30,00%	84.000.000.000	(*)	-
		791.558.350.850		-		791.558.350.850		-
Đầu tư vào đơn vị khác								
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	2,50%	83.022.592.000	190.155.264.000	-	2,50%	83.022.592.000	175.199.232.000	-
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00%	74.463.661.588	(*)	-	15,00%	74.463.661.588	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,63%	19.600.000.000	(*)	-	0,60%	19.600.000.000	(*)	-
		177.086.253.588		-		177.086.253.588		-

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công nghiệp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4903000451 ngày 1 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công thương. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iv) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (v) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 1 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	8.947.691.139.038	8.085.411.331.327
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 1 (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	67.563.420.731	35.093.793.900
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	96.061.352.193	54.824.844.800
Các bên liên quan khác	1.662.689.173	2.612.043.345
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	5.278.084.310	13.655.512.943
	9.118.256.685.445	8.191.597.526.315

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.265.814.239	15.256.171.287
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng	301.445.779.050	253.952.245.056
Cổ tức được chia	75.659.676.500	80.569.226.500
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 1	7.461.371.380	7.461.371.380
Bên liên quan khác	8.352.311.059	7.468.387.981
Bên thứ ba		
Lãi tiền gửi phải thu	30.098.867.058	28.183.454.501
Ký quỹ (*)	71.759.358.459	6.759.358.459
Phải thu khác	50.255.874.476	23.652.986.336
	560.299.052.221	423.303.201.500

(*) Khoản ký quỹ chủ yếu liên quan đến việc ký quỹ nhằm mở thư tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Hai Bà Trưng theo Phụ lục Hợp đồng mua vật tư phục vụ sửa chữa lớn của nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ với số tiền là 65 tỷ VND.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	29.767.439.430	-	2.289.837.243	-
Nguyên vật liệu	1.768.167.104.791	(160.885.392)	2.628.504.421.398	(160.885.392)
Công cụ và dụng cụ	93.755.360.692	-	82.527.969.399	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	80.501.596.607	-	4.536.762.721	-
	1.972.191.501.520	(160.885.392)	2.717.858.990.761	(160.885.392)

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong các giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	18.290.618.253.379	81.920.731.934.986	6.523.164.228.348	92.542.184.513	192.863.636	106.827.249.464.862
Tăng trong kỳ	259.746.535	13.582.588.040	-	19.137.591.020	-	32.979.925.595
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	120.073.458.444	531.047.467.016	55.791.574.409	8.316.511.273	-	715.229.011.142
Số dư cuối kỳ	18.410.951.458.358	82.465.361.990.042	6.578.955.802.757	119.996.286.806	192.863.636	107.575.458.401.599
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	5.991.607.101.698	44.401.141.498.688	2.920.444.620.464	62.232.717.514	161.802.529	53.375.587.740.893
Khấu hao trong kỳ	314.904.690.451	1.829.261.909.032	150.090.157.166	7.684.294.750	4.235.604	2.301.945.287.003
Số dư cuối kỳ	6.306.511.792.149	46.230.403.407.720	3.070.534.777.630	69.917.012.264	166.038.133	55.677.533.027.896
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	12.299.011.151.681	37.519.590.436.298	3.602.719.607.884	30.309.466.999	31.061.107	53.451.661.723.969
Số dư cuối kỳ	12.104.439.666.209	36.234.958.582.322	3.508.421.025.127	50.079.274.542	26.825.503	51.897.925.373.703

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 26.690 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 30.367 tỷ VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 25.024 tỷ VND (1/1/2019: 1.857 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 16(b)).

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyên giao công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	73.154.712.081	15.231.801.402	4.025.390.148	13.290.880.821	105.702.784.452
Tăng trong năm	-	210.000.000	1.582.800.000	330.000.000	2.122.800.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	-	4.558.488.000	-	-	4.558.488.000
Số dư cuối năm	73.154.712.081	20.000.289.402	5.608.190.148	13.620.880.821	112.384.072.452
Khấu hao trong năm					
Số dư đầu năm	9.469.113.702	4.520.068.708	3.810.571.101	36.494.911	17.836.248.422
Khấu hao trong năm	580.758.726	1.078.438.209	123.258.438	670.777.373	2.453.232.746
Số dư cuối năm	10.049.872.428	5.598.506.917	3.933.829.539	707.272.284	20.289.481.168
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	63.685.598.379	10.711.732.694	214.819.047	13.254.385.910	87.866.536.030
Số dư cuối năm	63.104.839.653	14.401.782.485	1.674.360.609	12.913.608.537	92.094.591.284

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 4,42 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 4,42 tỷ VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.536.799.320.476	3.720.882.343.918
Tăng trong năm do mua mới	730.375.780.331	156.550.406.267
Chi phí lãi vay vốn hóa	13.047.849.011	9.508.626.289
Giảm do quyết toán	-	(245.921.523.024)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(715.229.011.142)	(12.814.058.958)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	(4.558.488.000)	-
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(261.302.670.160)
Các biến động khác	(264.165.617)	(178.713.983.984)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.560.171.285.059	3.188.189.140.348
	<hr/>	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1	1.221.295.137.450	1.221.295.137.450
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	149.855.294.499	148.924.891.353
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	721.947.462.959	676.106.948.237
Cảng than Vĩnh Tân	385.190.585.119	383.746.615.607
Điện mặt trời Vĩnh Tân 2	352.911.815	8.066.079.120
Các công trình khác	81.529.893.217	98.659.648.709
	<hr/>	<hr/>
	2.560.171.285.059	2.536.799.320.476
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả người bán

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	23.394.164.705	-
Các bên liên quan khác	7.622.576.566	18.825.375.651
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	2.877.633.770.496	2.545.350.733.865
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	598.797.000.535	441.556.254.530
Các nhà cung cấp khác	883.644.266.840	666.421.871.356
	4.391.091.779.142	3.672.154.235.402
Số có khả năng trả nợ	4.391.091.779.142	3.672.154.235.402

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước****(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	Phân loại lại VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	84.852.212.654	569.521.816.298	(619.074.286.875)	455.855.106	35.755.597.183
Thuế nhà thầu	9.874.077.902	7.177.916.006	(16.120.048.606)	-	931.945.302
Thuế xuất nhập khẩu	-	5.773.931.335	(6.922.585.396)	1.148.654.061	-
Thuế tài nguyên	40.137.168.723	171.454.756.463	(183.607.587.294)	(9.589.892)	27.974.748.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	106.062.450.557	92.098.710.947	(134.892.862.733)	6.312.610.573	69.580.909.344
Thuế thu nhập cá nhân	5.767.974.005	9.479.278.051	(13.784.571.599)	(77.074.385)	1.385.606.072
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	43.161.940.714	62.923.975.088	(90.292.247.060)	-	15.793.668.742
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.398.581.694	(4.398.581.694)	-	-
Các loại thuế khác	-	8.180.999.109	(1.945.462.921)	(6.235.536.188)	-
	289.855.824.555	931.009.964.991	(1.071.038.234.178)	1.594.919.275	151.422.474.643

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại trong kỳ VND	Phân loại lại VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	455.855.106	455.855.106
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	1.148.654.061	1.148.654.061
Thuế tài nguyên	9.589.892	-	-	(9.589.892)	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	49.625	-	-	-	49.625
	9.639.517	-	-	1.594.919.275	1.604.558.792

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí phải trả

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Lãi vay, thuế nhà thầu	818.440.215.280	38.435.811.599
Phải trả nhà thầu	604.786.662.734	7.411.375.929
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	544.638.046.798	-
Chi phí khác	3.750.035.899	4.522.168.040
	<hr/>	<hr/>
	1.971.614.960.711	50.369.355.568
	<hr/>	<hr/>

15. Phải trả khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	220.999.102.306	156.962.849.626
Gốc, lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu (chưa bù trừ qua tiền điện)	14.997.424.948	-
Lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu phải trả	-	779.189.436.755
Phải trả từ bán cổ phần	152.499.616	152.499.616
Chi phí chuyên gia	-	14.680.695.065
Phải trả khác	121.532.970.043	108.319.316.092
	<hr/>	<hr/>
	357.681.996.913	1.059.304.797.154
	<hr/>	<hr/>

Chi tiết các khoản phải trả khác cho bên liên quan như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	17.323.604.155	779.932.815.962
Các bên liên quan khác	115.058.224.038	100.236.833.360
	<hr/>	<hr/>
	132.381.828.193	880.169.649.322
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019 VND	Biến động trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá VND	30/6/2019 VND
		Tăng VND	Giảm VND		
Vay dài hạn đến hạn trả	5.420.431.251.663	2.631.600.091.626	(2.868.066.755.300)	24.727.541.648	5.208.692.129.637
Số có khả năng trả nợ	5.420.431.251.663				5.208.692.129.637

(b) Vay dài hạn

	1/1/2019 VND	Biến động trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá VND	30/6/2019 VND
		Tăng VND	Giảm VND		
Vay dài hạn	55.247.328.564.611	49.063.211.177	(2.631.600.091.626)	349.064.354.739	53.013.856.038.901

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay từ các tổ chức				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1</i>				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	95.666.572.228	103.604.510.566
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I	VND	2024	1.692.000.000.000	1.974.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	1.404.347.162.400	1.516.694.935.392
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	230.000.000.000	250.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	VND	2021	55.161.118.612	70.905.118.612
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	VND	2019	46.036.364.311	92.068.364.311
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	-	110.684.549.761
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Thành	VND	2026	256.962.025.837	258.153.558.834
<i>Dự án Điện mặt trời Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (**)	VND	2031	31.336.884.320	-
			3.811.510.127.708	4.376.111.037.476
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á (***)	USD	2032	438.278.147.335	444.445.836.309
Ngân hàng Phát triển Châu Á (***)	USD	2034	19.037.340.310.860	19.206.808.016.325
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc (***)	USD	2028	8.564.557.601.525	8.999.713.746.007
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	5.954.047.489.653	6.275.936.541.397
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	1.610.234.632.521	1.688.212.359.504
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	14.058.013.102.661	14.731.365.464.567

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	86.415.257.721	89.444.501.596
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	65.743.098.861	67.338.860.225
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	55.341.616.912	73.457.010.088
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	-	27.989.680.391
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	117.618.700.091	156.119.724.974
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	4.423.448.082.690	4.530.817.037.415
			54.411.038.040.830	56.291.648.778.798
			58.222.548.168.538	60.667.759.816.274
Trong đó, thanh toán trong vòng 12 tháng			5.208.692.129.637	5.420.431.251.663

Lãi suất năm thực tế trong kỳ của các khoản vay như sau:

- Các khoản vay USD từ 3,49% đến 6,56% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 2,01% đến 6,17%).
- Các khoản vay VND từ 8,98% đến 9,86% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 8,98% đến 10,03%).
- Các khoản vay JPY từ 1,15% đến 2,75% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 0,95% đến 2,75%).
- Các khoản vay CNY là 3,40% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 3,40%).

(*) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được đảm bảo bằng nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp có giá trị còn lại là 1.821 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 1.857 tỷ VND).

(**) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội được đảm bảo bằng nhà máy điện mặt trời Vĩnh Tân 2 có giá trị còn lại là 657 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(***) Khoản vay từ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc và Ngân hàng Phát triển Châu Á được đảm bảo bằng nhà máy Nhiệt điện Mông Dương có giá trị còn lại là 22.546 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Các khoản vay trực tiếp từ các Ngân hàng thương mại trong nước còn lại được bảo lãnh bởi Công ty mẹ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, và không có tài sản đảm bảo.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp/ Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	10.561.944.694.725	1.566.487.558	(2.449.196.948.778)	170.044.801.501	-	114.101.515.647	8.398.460.550.653
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(3.327.218.134)	-	-	-	-	-	(3.327.218.134)
Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức (*)	(94.925.424.397)	(1.566.487.558)	-	(21.540.842.227)	-	(3.508.088.045)	(121.540.842.227)
Chênh lệch tỷ giá trong kỳ	-	-	425.830.602.031	-	-	-	425.830.602.031
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	380.375.400.172	-	380.375.400.172
Điều chỉnh khác	-	-	-	285.350.111	-	-	285.350.111
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	10.463.692.052.194	-	(2.023.366.346.747)	148.789.309.385	380.375.400.172	110.593.427.602	9.080.083.842.606

(*) Theo Quyết định số 05/QĐ-EVN ngày 19 tháng 1 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam chuyển giao quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 3 về Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 năm 2018.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn góp/ Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lũy kế)/ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2018	10.463.692.052.194	-	(2.023.366.346.747)	148.789.309.385	380.375.400.172	110.593.427.602	9.080.083.842.606
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	-	-	(74.444.898.826)	-	(74.444.898.826)
Nộp về Quỹ hỗ trợ Sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (a)	-	-	-	(221.350.148.719)	-	-	(221.350.148.719)
Điều chuyển về vốn chủ sở hữu	117.061.813.711	-	-	(6.468.386.109)	-	(110.593.427.602)	-
Khoản để lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	86.143.440.000	-	-	-	-	-	86.143.440.000
Chênh lệch tỷ giá trong kỳ	-	-	924.877.373.243	-	-	-	924.877.373.243
Lũy trong kỳ	-	-	-	-	(1.008.520.330.934)	-	(1.008.520.330.934)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	78.815.363.818	(78.815.363.818)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(109.457.616.750)	-	(109.457.616.750)
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	18.255.872.095	-	-	-	-	-	18.255.872.095
Điều chỉnh khác	14.542.592.000	-	-	213.861.625	-	-	14.756.453.625
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	10.699.695.770.000	-	(1.098.488.973.504)	-	(890.862.810.156)	-	8.710.343.986.340

- (a) Các khoản phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp là khoản chênh lệch phần vốn Nhà nước từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần tại ngày 1 tháng 10 năm 2018 theo quy định của Nghị định 126/2017/NĐ-CP và Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn góp/ Vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lỗi lý kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	10.699.695.770.000	(1.098.488.973.504)	(890.862.810.156)	8.710.343.986.340
Phân bổ chênh lệch tỷ giá trong kỳ (Thuyết minh 19)	-	274.622.243.376	-	274.622.243.376
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ	-	-	342.683.431.164	342.683.431.164
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	10.699.695.770.000	(823.866.730.128)	(548.179.378.992)	9.327.649.660.880

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.069.969.577	10.699.695.770.000	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.069.969.577	10.699.695.770.000	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	1.069.969.577	10.699.695.770.000	1.069.969.577	10.699.695.770.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Biến động của vốn góp/vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	10.699.695.770.000	10.561.944.694.725
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	(3.327.218.134)
Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	(94.925.424.397)
Số dư cuối kỳ	10.699.695.770.000	10.463.692.052.194

Chi tiết cổ đông tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2019 và 1/1/2019		
	Vốn cổ phần	Số lượng cổ phần phổ thông	Tỉ lệ %
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.613.552.330.000	1.061.355.233	99,19%
Người lao động	14.647.000.000	1.464.700	0,14%
Các cổ đông khác	71.496.440.000	7.149.644	0,67%
	10.699.695.770.000	1.069.969.577	100,00%

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

	Thuyết minh	1/1/2019 VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	30/6/2019 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	3(a)(ii)	1.098.488.973.504	-	(274.622.243.376)	823.866.730.128
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			- 375.354.390.966	(375.354.390.966)	-
		1.098.488.973.504	375.354.390.966	(649.976.634.342)	823.866.730.128
	Thuyết minh	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	30/6/2018 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	3(a)(ii)	1.098.488.973.504	16.427.508.187	(188.243.596.347)	926.672.885.344
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ	3(a)(iii)	1.350.707.975.274	-	(254.014.513.871)	1.096.693.461.403
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			- 694.026.021.116	(694.026.021.116)	-
		2.449.196.948.778	710.453.529.303	(1.136.284.131.334)	2.023.366.346.747

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Cổ tức

Việc phân phối lợi nhuận tuân theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.927.749.400	12.990.483.087
Trong vòng hai đến năm năm	61.581.431.347	53.498.719.386
Sau năm năm	248.271.159.767	172.278.108.098
	325.780.340.514	238.767.310.571

Cam kết thuê hoạt động thể hiện

- Tiền thuê đất tại Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam (bao gồm 1 thửa đất thuê trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012; 1 thửa đất thuê trong 49 năm từ ngày 11 tháng 11 năm 1999) và 3 thửa đất tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013. Cam kết thuê đất còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 291.321.465.767 VND.
- Tiền thuê văn phòng tại số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Cam kết thuê văn phòng từ ngày 1 tháng 7 năm 2019 tới ngày 30 tháng 04 năm 2023 là 34.458.874.747 VND.

(b) Ngoại tệ

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	19.636,58	458.102.690	28.223,67	653.373.165

(c) Cam kết đầu tư

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Tổng Công ty sẽ đầu tư 382.729 triệu VND để xây dựng các công trình trong sáu tháng cuối năm 2019 (tại ngày 1/1/2019 là 1.553.121 triệu VND).

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Doanh thu tiêu thụ điện	20.959.297.466.889	19.111.752.819.906
Doanh thu dịch vụ khác	141.859.216.494	84.967.124.758
	21.101.156.683.383	19.196.719.944.664

23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	18.519.209.367.957	16.388.499.710.012
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	84.045.438.196	39.348.415.035
	18.603.254.806.153	16.427.848.125.047

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	111.060.865.552	52.210.622.437
Cổ tức, lợi nhuận được chia	67.184.676.500	165.197.505.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	7.370.760.925	13.598.374.022
	185.616.302.977	231.006.501.459

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.408.716.747.329	1.235.594.044.662
Lỗi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	10.640.597.522	14.540.015.361
Phân bổ lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại (Thuyết minh 19)	649.976.634.342	1.136.284.131.334
Chi phí tài chính khác	-	5.451.390
	2.069.333.979.193	2.386.423.642.747

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	68.860.322.520	56.847.490.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.684.781.111	27.258.832.714
Chi phí khác	67.189.330.789	53.420.249.206
	168.734.434.420	137.526.572.834

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.039.393.066.013	13.306.579.234.863
Chi phí nhân công	236.289.663.098	204.020.933.864
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.291.010.148.789	2.292.970.521.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.120.807.554	135.216.483.647
Chi phí sửa chữa lớn	662.607.214.222	340.641.831.039
Chi phí khác	336.568.340.897	285.945.692.837

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	91.687.669.345	80.865.821.377
Năm trước	411.041.602	-
	<hr/>	<hr/>
	92.098.710.947	80.865.821.377
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	434.782.142.111	461.241.221.549
	<hr/>	<hr/>
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	86.956.428.422	92.248.244.310
Chi phí không được khấu trừ thuế	117.817.330.247	7.347.335.416
Ưu đãi thuế	(26.748.437.393)	(30.841.090.979)
Thu nhập không bị tính thuế	(13.436.935.300)	(33.039.501.000)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(72.900.716.631)	-
Chi phí thuế TNDN năm trước	411.041.602	-
Điều chỉnh khác	-	45.150.833.630
	<hr/>	<hr/>
	92.098.710.947	80.865.821.377
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	-	-	364.503.583.157	72.900.716.631

(d) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	41.092.860.931	45.485.859.172
Bù trừ gốc vay trong năm	2.254.558.800.602	2.165.737.518.827
Bù trừ lãi và phí vay trong năm	1.204.509.018.210	984.019.182.297
Lãi vay	1.219.506.443.158	1.041.597.752.158
Công ty con		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Cổ tức được chia	24.061.778.500	48.123.557.000
Công ty Cổ Phần Nhiệt điện Ninh Bình		
Cổ tức được chia	4.931.808.000	10.568.160.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ Phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh		
Cổ tức được chia	-	63.016.948.000
Công ty Cổ Phần Thủy điện Thác Bà		
Cổ tức được chia	9.525.000.000	24.765.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A		
Cổ tức được chia	25.200.000.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2		
Cổ tức được chia	-	18.723.840.000
Công ty Mua bán điện		
Bán điện	20.959.297.466.889	19.111.752.819.906
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)		
Mua điện	1.936.314.488	7.559.312.590
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Mua dịch vụ	-	8.531.570.370
Cung cấp dịch vụ	291.144.000	-

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 Mua dịch vụ	11.586.028.142	1.206.111.375
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 Mua dịch vụ	-	301.232.214
CN Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam Mua dịch vụ	333.348.403	208.092.744
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 Cung cấp dịch vụ	42.018.712.903	67.796.082.000
NMND Thái Bình 1 Cung cấp dịch vụ	29.517.543.550	-
Hội đồng quản trị Thu nhập	859.122.757	727.322.369
Ban Tổng Giám đốc Thu nhập	2.487.029.305	1.740.463.746
Cán bộ cấp quản lý khác Thu nhập	374.400.000	657.067.787

Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Bù trừ gốc vay phải trả EVN và phải thu công ty Mua bán điện	2.254.558.800.602	2.165.737.518.827
Bù trừ lãi vay, phí vay lại phải trả EVN và phải thu công ty Mua bán điện	1.204.509.018.210	984.019.182.297
Xây dựng cơ bản dở dang chuyển từ/(sang) hàng tồn kho	29.092.488.319	(261.302.670.160)
Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	121.540.842.227
Cổ tức được chia phải thu	75.659.676.500	15.048.160.000

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Tổng Công ty được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

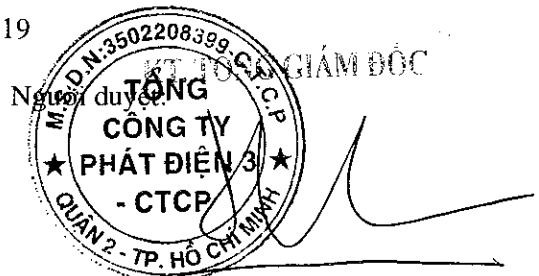
Người lập:



Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập biểu



Vũ Phương Thảo
Trưởng Ban Tài chính – Kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc